TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 897/2018/KDTM-PT
Ngày 03/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng
Các thẩm phán: Ông Đỗ Đức Vân Hồng
Ông Nguyễn Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 9 năm 2018 và ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/KDTMPT ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3569/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 7035 ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T
Địa chỉ: 79-81 XLHN, P. TĐ, Q. W, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại 79-81 XLHN, Phường TĐ, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 013/2018/UQ-T.A.T ngày 28/3/2018) (có mặt ngày 27/9/2018, vắng mặt ngày 03/10/2018)

Bị đơn: Ông Thái Đức M, sinh năm 1982
Trú tại: 751/40H/29 HB, Phường Y, Q. Y, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh Hu, trú tại 18B NQC, phường PNL, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/3/2017) (có mặt ngày 27/9/2018, vắng mặt ngày 03/10/2018)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Công ty TNHH U
(trước đây là Công ty TNHH Sản xuất VU)
Địa chỉ: 79-81 XLHN, phường TĐ, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng:

Ông Bùi Quang Ha, sinh năm 1955

Trú tại: 28/1/9-11 PĐG, Phường W, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Thái Đức M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty Cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) do bà Nguyễn Thị Thu Ho đại diện theo ủy quyền trình bày là Công ty T cho ông Thái Đức M vay 300.000.000 đồng theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014 để góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất VU (nay là Công ty TNHH U gọi tắt là Công ty U) với lãi suất cho vay là 0%, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày 30/5/2014. Thực hiện khế ước Công ty T đã giao đủ tiền cho ông M theo phiếu chi ngày 03/6/2014. Đến hạn, ông M không thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng. Nên, Công ty T khởi kiện đến Tòa án với yêu cầu ông Thái Đức M có trách nhiệm thanh toán số tiền 300.000.000 đồng mà đã vay theo khế ước nêu trên.

Ngày 11/8/2017, Công ty T có Đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu Ông Thái Đức M pHa trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 30/5/2016 cho đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm.

Ngày 08/5/2018, Công ty T có Đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Trong Văn bản ngày 08/12/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Ông Thái Đức M do bà Phạm Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày là thừa nhận Ông Thái Đức M có ký kết Khế ước vay số 05/KUV/TAT vào ngày 30/5/2014 như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, trước đây Công ty TNHH Sản xuất Valve U được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312750368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2014 có 03 thành viên sáng lập là Công ty T do ông Trương Quốc T làm đại diện theo pháp luật, Ông Thái Đức M và ông Bùi Quang Ha. Trước khi Công ty U được thành lập thì ngày 01/8/2013, các thành viên sáng lập Công ty U đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về việc Hợp tác sản xuất kinh doanh. Tại Điểm d, Khoản 3.2, Mục 3 của Bản ghi nhớ này có quy định: "Ông M góp vốn bằng công sức, kinh nghiệm phát triển thị trường, các mối quan hệ đã có cũng như đảm nhiệm chính việc điều hành dự án và được chia 10% lãi của dự án. Ngoài ra, ông M được nhận tiền L tháng cố định tương đương 1,100 Euro/tháng khi bắt đầu làm việc toàn thời gian cho dự án. Khi có lãi, ông M sẽ trả lại 5% phần vốn góp đã mượn của Công ty T".

Trên cơ sở thỏa thuận của các bên tại Biên bản ghi nhớ (MOU) nên giữa ông M với Công ty T đã ký Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014. Toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng (tương đương 5% vốn góp tại thời điểm đó) mà ông M nhận của Công ty T đã được chuyển trực tiếp vào Công ty U. Biên bản ghi nhớ (MOU) đã nêu rõ: "… Khi có lãi, ông M sẽ trả lại 5% phần vốn góp đã mượn của Công ty T". Tuy nhiên, Công ty T không góp đủ số vốn như đã cam kết nên làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty U. Ngoài ra,

tại phiên tòa bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc ông Trương Quốc T không thực hiện đầy đủ việc góp vốn theo Biên bản ghi nhớ và ông T đã sử dụng sản phẩm của U để xin Bộ công nghệ tài trợ cho Công ty T là hành vi ăn cắp sở hữu trí tuệ.

Vì vậy, Ông Thái Đức M không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Để giải quyết dứt điểm vụ án, ông M đề nghị Công ty T mua lại 5% vốn góp của ông M trong Công ty U tương đương 300.000.000 đồng để cấn trừ số tiền mà ông vay của Công ty T.

Theo Bản tự khai ngày 02/6/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty U do bà Hồ Thị Kim C đại diện theo ủy quyền trình bày là Ông Thái Đức M có góp vốn vào Công ty U số tiền 300.000.000 đồng bằng chuyển khoản. Ban đầu, Công ty U có 03 thành viên là Công ty T do ông Trương Quốc T làm đại diện theo pháp luật, Ông Thái Đức M và ông Bùi Quang Ha. Sau đó, Công ty T đã mua lại cổ phần của ông Bùi Quang Ha nên hiện nay Công ty U chỉ còn 02 thành viên là Ông Thái Đức M và Công ty T. Hiện nay, Công ty U vẫn đang hoạt động bình thường. Việc tranh chấp giữa ông M và Công ty T thì không liên quan đến Công ty U, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Lời khai của người làm chứng có ông Bùi Quang Ha:

Ngày 22/4/2014, Công ty U được thành lập có 03 thành viên sáng lập là Công ty T do ông Trương Quốc T làm đại diện, Ông Thái Đức M và ông Bùi Quang Ha. Trước khi thành lập Công ty U thì vào ngày 01/8/2013 các ông Bùi Quang Ha, Thái Đức M, Trương Quốc T (đại diện cho Công ty T cùng với ông Dư Tài L (người Đức gốc Việt)) có lập Biên bản ghi nhớ (MOU) về việc hợp tác sản xuất kinh doanh nhưng chỉ có các ông Ha, M và T ký biên bản, còn ông L đang ở Đức không ký. Theo Khoản 3.2 Mục 3 của Biên bản ghi nhớ (MOU) có ghi nhận:

- Công ty T góp 71,428 % bằng tiền mặt,
- Ông L đóng góp vào dự án bằng các bằng phát minh sáng chế, ...,
- Ông Ha góp 28,572% bằng tiền mặt,
- Ông M góp vốn bằng công sức, kinh nghiệm phát triển thị trường, các mối quan hệ đã có cũng như đảm nhiệm chính việc điều hành dự án. ... Khi có lãi, ông M sẽ trả lại 5% phần vốn góp đã mượn của Công ty T".

Do bất đồng quan điểm kinh doanh dẫn đến việc tranh chấp giữa các thành viên của Công ty U. Ông Ha đã khởi kiện Công ty T tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết tranh chấp giữa các thành viên công ty, tuy nhiên do tuổi đã cao, không đủ sức để theo đuổi vụ kiện nên ông đã chấp nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp của ông cho Công ty T.

Việc Công ty T và ông Thái Đức M thỏa thuận ký khế ước vay với nhau thì ông không biết, không chứng kiến việc này. Tuy nhiên, trong quá trình cùng hợp tác, góp vốn vào Công ty U thì ông có nghe ông M nói lại là Công ty T và ông M ký với nhau Khế ước vay vào ngày 30/5/2014 với nội dung ông M vay của Công ty T số tiền 300.000.000 đồng để góp vốn vào công ty U và ông M chỉ phải trả số tiền vay này cho Công ty T khi công ty U hoạt động có lãi. Đồng thời tại cuộc họp của công ty U, các ông Ha, Minh và Công ty T đều thống nhất

với nhau việc góp vốn của ông Thái Đức M vào Công ty U không thể thực hiện bằng hình thức: "công sức, kinh nghiệm phát triển thị trường, điều hành dự án …" như trong bản ghi nhớ MOU, mà phải được quy bằng một số tiền cụ thể để xác định tỷ lệ góp vốn. Theo đó cả ba bên thống nhất phần ông M góp vào Công ty U là số tiền 300.000.000 đồng và Công ty T chịu trách nhiệm với số tiền ông M phải góp, các nội dung này có trong Bản ghi nhớ MOU ngày 01/8/2013. Do đó, ông có biết ông M và Công ty T sẽ ký khế ước vay, còn việc ký khế ước vay lúc nào, nội dung thỏa thuận cụ thể như thế nào là giữa ông M và Công ty T thì ông không biết.

Việc Công ty T có chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho ông Thái Đức M hay không và chuyển theo phương thức nào thì ông không biết vì ông không chứng kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 đã quyết định:

1/- Chấp nhận yêu cầu của Công ty T, buộc Ông Thái Đức M pHa có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền 300.000.000 đồng theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014.

Kể từ khi Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Thái Đức M không thực hiện việc trả nợ thì hằng tháng ông M pHa trả lãi cho Công ty T theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2/- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty T về việc yêu cầu Ông Thái Đức M trả tiền lãi chậm thanh toán từ 30/5/2016 cho đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm.

3/- Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.000.000 đồng do Ông Thái Đức M nộp.

Công ty T được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003987 ngày 15/11/2016 và 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0028033 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ông Thái Đức M đã có Đơn kháng cáo đề ngày 21/6/2018 về việc ông M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ông Thái Đức M do Ông Thái Đức M đã vi phạm Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014. Yêu cầu kháng cáo của Ông Thái Đức M là hoàn toàn không có cơ sở và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

+ Bị đơn xác nhận có vay của Công ty T số tiền 300.000.000 đồng theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014 để góp vốn vào Công ty U theo Bản ghi nhớ ngày 01/8/2013.

+ Theo Điểm d, Khoản 3.2, Mục 3 của Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa các thành viên sáng lập Công ty U nêu rõ *"ông M góp vốn bằng công sức, kinh nghiệm phát triển thị trường, các mối quan hệ đã có cũng như đảm nhận chính việc điều hành dự án và được chia 10% lãi của dự án… khi có lãi, ông M sẽ trả lại 5% phần vốn góp đã mượn của Công ty T"*

Trên cơ sở Biên bản ghi nhớ (MOU) ông M mới ký Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014 vay Công ty T số tiền 300.000.000 đồng (tương đương với 5% vốn góp tại thời điểm đó), số tiền này được chuyển khoản vào tài khoản của Công ty U, ông M không nhận số tiền này trên thực tế.

+ Công ty T đã không góp đủ số vốn như cam kết nên Công ty U không có kinh phí duy trì hoạt động, dự án không thể thực hiện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty U. Ngoài ra, do ông Trương Quốc T là đại diện phần vốn góp của Công ty T tại Công ty U đã mang toàn bộ dự án của Công ty U đi xin tài trợ riêng cho Công ty T gây bức xúc cho ông và các thành viên góp vốn khác là bị đơn và ông Ha. Do đó, ngày 03/3/2015 các thành viên Công ty U đã thống nhất giải thể Công ty U. Tuy nhiên, do các bên không thống nhất được với nhau về trách nhiệm chung và riêng của từng thành viên nên đến nay việc giải thể Công ty U chưa thực hiện xong.

+ Khoản nợ 300.000.000 đồng mà bị đơn ký nhận vay của Công ty T là để góp vốn vào Công ty U trên cơ sở Biên bản ghi nhớ (MOU), đây là một phần của quá trình hợp tác kinh doanh. Việc giải quyết khoản vay 300.000.000 đồng trên cơ sở thỏa thuận MOU nên bị đơn sẽ thanh toán khoản nợ này cho Công ty T theo tỷ lệ % lãi thể hiện thỏa thuận MOU. Điều này có nghĩa là để trả nợ thì cần pHa xác định hoạt động kinh doanh của Công ty U có lời hay lỗ nên pHa biết thu chi, nộp thuế, báo cáo tài chính của Công ty U. Bị đơn yêu cầu Công ty U cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

- Ý kiến phát biểu thêm của nguyên đơn:

+ Cần pHa xem kỹ mục đích vay của ông M. Việc giải quyết vụ án không thể dựa vào Bản ghi nhớ MOU vì bản ghi nhớ này không quy định rõ trả lãi bao nhiêu. Nguyên đơn yêu cầu đòi nợ là dựa trên Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014.

+ Việc ông M yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ về sổ sách kế toán thể hiện việc thu chi, nộp thuế, báo cáo tài chính của Công ty U thì nguyên đơn thấy không cần thiết.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông M.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định. Về nội dung vụ án thì có cơ sở xác định bị đơn đã vay 300.000.000 đồng của nguyên đơn theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014. Do đến hạn bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ là có cơ sở. Nội dung

trong khế ước đã thể hiện rõ là bị đơn vay 300.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty U và thời hạn trả pHa căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên trong khế ước không dựa vào Bản ghi nhớ MOU. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tung dân sự năm 2015 mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào việc nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Hai bên cũng không thỏa thuận giải quyết vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo của nguyên đơn như sau:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án vào ngày 25/6/2018 là còn trong thời hạn luật định.

[2]- Về nội dung:

- Bị đơn cho rằng số tiền 300.000.000 đồng mà bị đơn vay của nguyên đơn theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014 được chuyển khoản vào tài khoản của Công ty U, thực tế bị đơn không nhận số tiền này là không đúng vì theo Phiếu chi ngày 03/6/2014 do nguyên đơn phát hành thể hiện rõ bị đơn đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra bị đơn không có cung cấp được tài liệu nào thể hiện việc nguyên đơn chuyển tiền cho Công ty U như bị đơn trình bày.

- Bị đơn cho rằng việc Công ty U pHa ngừng họa động là do nguyên đơn đã không góp đủ số vốn như cam kết nên Công ty U không có kinh phí để duy trì hoạt động, dự án không thể thực hiện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty U. Ngoài ra, do ông Trương Quốc T là đại diện phần vốn góp của của nguyên đơn tại Công ty U đã mang toàn bộ dự án của Công ty U đi xin tài trợ riêng cho nguyên đơn gây bức xúc bị đơn và các thành viên góp vốn khác. Do đó, ngày 03/3/2015 các thành viên Công ty U đã thống nhất giải thể Công ty U. Tuy nhiên, do các bên không thống nhất được với nhau về trách nhiệm chung và riêng của từng thành viên nên đến nay việc giải thể Công ty U chưa thực hiện xong thì vấn đề này không liên quan trong nội dung mà các bên đang tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014, việc tranh chấp giữa các thành viên trong Công ty U sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

- Về việc bị đơn yêu cầu Công ty U cung cấp chứng cứ thu chi, nộp thuế, các báo cáo tài chính của Công ty U để biết được tình hình kinh doanh cũng như lời lỗ của công ty thì vấn đề này như phân tích nêu trên cũng không có cơ sở để được chấp nhận do không liên quan đến nội dung các bên đang tranh chấp.

- Bị đơn cho rằng khoản nợ 300.000.000 đồng mà bị đơn ký nhận vay của nguyên đơn là để góp vốn vào Công ty U trên cơ sở Biên bản ghi nhớ (MOU),

đây là một phần của quá trình hợp tác kinh doanh nên bị đơn sẽ thanh toán khoản nợ 300.000.000 đồng cho nguyên đơn khi việc kinh doanh của Công ty U có lãi thì vấn đề này không có cơ sở để được chấp nhận do Biên bản ghi nhớ (MOU) là thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh giữa các thành viên góp vốn của Công ty U, không liên quan gì đến Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn vay theo khế ước được hai bên xác định rõ là 02 năm từ ngày 30/5/2014 đến 30/5/2016 nên đến hạn thì bị đơn pHa thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay mà không cần chờ việc kinh doanh của Công ty U có lãi.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm đã xác định.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị đơn pHa chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 ,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Áp dụng Điều 471, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án ,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Thái Đức M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ông Thái Đức M pHa có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu)* đồng theo Khế ước vay số 05/KUV/TAT ngày 30/5/2014.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty Cổ phần T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Thái Đức M không thực hiện việc thanh toán nợ thì hằng tháng ông M còn pHa thanh toán lãi cho Công ty Cổ phần T theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2/- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty Cổ phần T về việc yêu cầu Ông Thái Đức M trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 30/5/2016 cho đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/- Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Ông Thái Đức M pHa chịu án phí là 15.000.000 *(Mười lăm triệu)* đồng.

+ Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số AD/2014/0003987 ngày 15/11/2016 và 750.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0028033 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Thái Đức M pHa chịu án phí 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0029462 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người pHa thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**